

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lại Thị Thúy Hằng
ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị H, sinh năm: 1994, địa chỉ: số 6/1/13 đường M, phường HBP, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* anh Trần Quang D, sinh năm: 1987, địa chỉ: ấp M, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank). Địa chỉ: số 25 Bis NTMK, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh D đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S vào năm 2019. Đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2020 thì mâu thuẫn do chị phát hiện anh D có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh D không xin lỗi chị mà

còn nhấn tin với những lời lẽ dẫn đến cãi nhau. Chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh D.

Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Gia P, sinh ngày: 30/5/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu gì.

Về nợ riêng: trong thời kỳ hôn nhân chị có ký tên cùng anh D vay của Ngân hàng HD bank số tiền 2.000.000.000 đồng và có thể chấp bằng tài sản riêng của anh D để bảo đảm cho khoản vay trên, nhưng vì toàn bộ số tiền vay do anh D tự sử dụng nên đây là nợ riêng của anh D; chị không đồng ý cùng trả nợ.

* Theo bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trần Quang D trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình tiến tới hôn nhân, về con chung, tài sản chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng là do chị H hiểu lầm anh và cho rằng anh ngoại tình chỉ qua vài biểu tượng icon mà anh sử dụng khi liên kết mạng xã hội (vd: thả tim,...). Anh đã nhiều lần giải thích và xin lỗi chị H mong muốn hàn gắn nhưng chị H không đồng ý dẫn đến vợ chồng ly thân đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu và bản thân anh cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hiện vợ chồng còn nợ Ngân hàng HDbank 2.000.000.000 đồng. Tiền này vay để tạo lập tài sản chung nên xác định là nợ chung. Khi vay tiền có thể chấp cho Ngân hàng tài sản riêng của anh D để bảo đảm cho khoản vay. Vì hiện nay anh vẫn tiếp tục đóng lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận và Ngân hàng không khởi kiện nên anh không yêu cầu giải quyết mà đề nghị được tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng HDbank đã được Tòa án gửi thông báo tham gia tố tụng, cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị H và anh D ly hôn; về con chung: đề nghị giao cháu P cho chị H trực

tiếp nuôi dưỡng; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng; về tài sản chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về nợ chung: do Ngân hàng HDbank không có văn bản nêu ý kiến và không yêu cầu độc lập nên không xem xét; về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Trần Quang D yêu cầu ly hôn và giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị H là nguyên đơn, anh D là bị đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (chị Lê Thị H) và bị đơn (anh Trần Quang D) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ngân hàng Hdbank đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Trần Quang D đã đăng ký kết hôn và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 08/5/2019, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy: nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân là do chị H cho rằng anh D ngoại tình; hai đương sự đều xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng và tự nguyện ly hôn. Do đó HĐXX chấp nhận cho chị H và anh D được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: hai đương sự thống nhất có một con chung là cháu Trần Quang Gia P, sinh ngày: 30/5/2020. Khi ly hôn, chị H và anh D thỏa thuận giao cháu P cho chị H nuôi, hàng tháng anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng và không tính lãi chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng. Thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: quá trình làm việc, Tòa án đã thông báo lời trình bày của các đương sự về khoản vay 2.000.000.000 đồng nhưng Ngân hàng HDbank không có ý kiến và yêu cầu phản hồi nên không xem xét.

[6] Về án phí: chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn; anh Trần Quang D phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị H và anh Trần Quang D được ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Trần Quang Gia P, sinh ngày: 30/5/2020 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng, anh Trần Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Gia P số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật HN&GD.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Lê Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009393 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Quang D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam